

ĐIỀU TRA NGHIÊN CỨU KHU HỆ LAN (ORCHIDACEAE) TẠI VƯỜN QUỐC GIA CÁT TIÊN

Vũ Kim Công, Nông Văn Duy, Trần Thái Vinh, H'Yon Niê Bing,
Quách Văn Hợi, Đặng Thị Thắm
Viện Nghiên cứu Khoa học Tây Nguyên

Từ khóa: Họ Lan, Vườn
Quốc gia Cát Tiên

TÓM TẮT

Trong quá trình điều tra nghiên cứu về các loài thuộc họ Lan (Orchidaceae Juss.) ở Vườn quốc gia Cát Tiên trên diện tích 39.627ha, đã thu thập mẫu, mô tả và định danh được 36 loài thuộc 21 chi; trong đó có 4 loài có tên trong Sách Đỏ Việt Nam; ở cấp EN có 1 loài là *Dendrobium bilobulatum* Seidenf.; ở cấp VU gồm có 3 loài là *Dendrobium farmeri* Paxt; *Dendrobium draconis* Reichb. và *Nervilia aragoana* Gaudich.

Quá trình khảo sát các điều kiện tự nhiên như ánh sáng, ẩm độ, nhiệt độ, độ cao vào tháng 2, 7 và 11 nơi có 36 loài lan phân bố đã cho thấy chúng đều có thể phát triển được ở nhiệt độ từ 23 - 34°C, ánh sáng dưới 1.000 lux, ẩm độ dao động từ 55 - 95%, độ cao 100 - 200m so với mực nước biển. Các loài lan trong Vườn quốc gia Cát Tiên tập trung chủ yếu là ở rừng lá rộng thường xanh, nơi có sự đa dạng về các loài cây, trong khi nhiệt độ và ẩm độ ít thay đổi trong năm.

Investigation of distribution of the orchidaceae in Cat Tien National Park

Keywords: orchidaceae,
Cat Tien National Park

During investigating the distribution of the species of Orchidaceae in Cat Tien National Park in a range of 39.627 hectares, 36 species of 21 genera have been identified, of which 4 species could be found in Plant Red Data Book of Viet Nam such as: *Dendrobium bilobulatum* Seidenf. at EN category, while *Dendrobium farmeri* Paxt, *Dendrobium draconis* Reichb. and *Nervilia aragoana* Gaudich at VU category.

The survey also showed that these orchid species growing in an altitude between 100 and 200 meters above sea level, and they were mostly distributed from 135 to 175 meters. The light intensity, temperature and humidity measured below the canopy of the Orchidaceae were 1.000 lux, 23 - 34°C and 55 - 95%, respectively. Orchid plants usually grow in broad - leaved evergreen forests with high diversity of plant species while temperature and moisture less changed.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vườn quốc gia Cát Tiên có hệ động, thực vật rất đa dạng và phong phú, đã được UNESCO công nhận là Khu dự trữ sinh quyển, Ban thư ký Công ước Ramsar công nhận khu ngập nước Bàu Sấu là khu Ramsar thứ 1.499 của thế giới và thứ 2 của Việt Nam. Vườn quốc gia Cát Tiên còn ẩn chứa nhiều dạng sinh cảnh như rừng nguyên sinh, rừng thứ sinh trên đất thấp và rừng nửa rụng lá.

Rừng và thảm thực vật Vườn quốc gia Cát Tiên được chia thành 5 kiểu rừng chính như: Rừng lá rộng thường xanh (ưu thế là các loài cây gỗ thuộc họ Dầu), Rừng lá rộng thường xanh nửa rụng lá (chủ yếu các loài cây gỗ rụng lá trong mùa khô như Bằng lăng (*Lagerstoemia calyculata*), Tùng (*Tetrameles nudiflora*), Râm (*Anogeissus acuminata*)); Rừng hỗn giao gỗ, tre nứa (là kiểu rừng thứ sinh thành phần cây thường gặp là Vấp (*Mesua* sp.), Bằng lăng (*L. calyculata*) và hai loài tre chủ yếu là Lồ ô (*Bambusa procera*) và Múm (*Gigantochloa* sp.); Rừng tre nứa chủ yếu là các loài tre, nứa phát triển; Thảm thực vật đất ngập nước là các loài cây gỗ chịu nước như Bò am (*Colona* sp.), Lộc vừng (*Barringtonia racemosa*) xen lẫn với Lau (*Erianthus arundinaceus*) và Lách (*Saccharum spontaneum*). Vườn quốc gia Cát Tiên có khoảng 1.362 loài bậc cao, trong đó có nhiều loài quý hiếm đã được đưa vào Sách Đỏ Việt Nam. Với thảm thực vật phong phú như vậy thì họ Lan (Orchidaceae Juss.) chắc sẽ là một họ có số lượng loài lớn và phân bố ở nhiều sinh cảnh khác nhau.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Các loài lan thuộc họ Lan (Orchidaceae) tại Vườn quốc gia Cát Tiên.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Điều tra thực địa

Tổ chức điều tra thu mẫu theo 3 tuyến chính là: Đà Cự - Núi Tượng; Tà Lài - Đất Đỏ, Bàu Bo Bo - Đắc Lua và một số tuyến phụ theo kiểu xương cá.

Dụng cụ gồm có: Máy ảnh, ống nhòm, máy định vị GPS, máy đo cường độ ánh sáng, ẩm kế, nhiệt kế, cặp gỗ, túi đựng mẫu, dao, kéo cắt mẫu, giấy báo, dây buộc, thước dây, giấy bút và bản đồ.

2.2.2. Trong phòng thí nghiệm

Phân tích hình thái mẫu thông qua quan sát các bộ phận về thân, rễ, lá, hoa, quả.

Các tài liệu chính được sử dụng để xác định tên khoa học là của Gagnepain et A. Guillaume (1932 - 1934), Gunnar Seidenfaden (1992), Trần Hợp (1998), Phạm Hoàng Hộ (2000), Averyanov L.V. (2003), Nguyễn Tiến Bân chủ biên (2005) và Chen XQ, Liu ZJ và đồng tác giả (2009).

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Một số yếu tố sinh thái được khảo sát nơi các loài lan phân bố tại Vườn quốc gia Cát Tiên

Trong quá trình điều tra khảo sát tại Vườn quốc gia Cát Tiên, chúng tôi tiến hành đo nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng vào 8 giờ, 11 giờ, 16 giờ ở các tháng 2, 7 và 11 đồng thời ghi lại độ cao tại điểm khảo sát được nêu trong bảng 1, bảng 2 và bảng 3. Bảng 1 ghi lại số liệu của tháng cao điểm nhất của mùa mưa, bảng 3 là cao điểm nhất của mùa khô, gần như cả tháng không mưa; Bảng 2 lượng mưa tháng giảm, nhiệt độ tăng vì là thời điểm chuyển mùa giữa mùa mưa và mùa khô. Ở bảng 1 và bảng 3 có sự thay đổi rõ rệt về độ ẩm khoảng 20 - 25%,

còn đối với nhiệt độ có sự thay đổi nhưng thu được tương đối trùng khớp với kết quả đo không nhiều khoảng 2 - 4°C. Kết quả chúng tôi của trạm khí tượng thủy văn La Ngà.

Bảng 1. Nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, độ cao trong các điểm khảo sát tại Đà Cù, Núi Tượng ban ngày tại Vườn quốc gia Cát Tiên vào tháng 7

Bảng tính Thời gian đo	Cường độ ánh sáng (lux)	Nhiệt độ trung bình (°C)	Độ ẩm trung bình (%)	Độ cao so với mặt nước biển (m)
8 giờ	582	25,3	90,8	
11 giờ	794	29,7	75,2	136 - 155
16 giờ	343	27,4	82,9	

Bảng 2. Nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, độ cao trong các điểm khảo sát tại Tà Lài, Đất Đỏ ban ngày trong Vườn quốc gia Cát Tiên vào tháng 11

Bảng tính Thời gian đo	Cường độ ánh sáng (lux)	Nhiệt độ trung bình (°C)	Độ ẩm trung bình (%)	Độ cao so với mặt nước biển (m)
8 giờ	440	25,8	84,0	
11 giờ	847	31,1	74,3	146 - 200
16 giờ	584	27,2	79,2	

Bảng 3. Nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, độ cao trong các điểm khảo sát tại Bàu Bo Bo, Đắc Lúa ban ngày trong Vườn quốc gia Cát Tiên vào tháng 2

Bảng tính Thời gian đo	Cường độ ánh sáng (lux)	Nhiệt độ trung bình (°C)	Độ ẩm trung bình (%)	Độ cao so với mặt nước biển (m)
8 giờ	581	24,9	73,6	
11 giờ	947	34,0	55,2	140 - 160
16 giờ	649	27,1	69,5	

Kết quả cho thấy biên độ dao động cường độ ánh sáng buổi trưa và buổi tối là rất lớn, thể hiện ngày ngắn, buổi chiều sau 16 giờ ánh sáng mặt trời đã giảm một cách rõ nét. Cường độ ánh sáng trung bình 573 Lux.

Nhiệt độ dao động không nhiều, nhiệt độ thấp nhất buổi sáng 8 giờ 25,3°C và nhiệt độ cao nhất buổi trưa 11 giờ là 29,7°C, biên độ dao động là 4,4°C. Nhiệt độ trung bình 27,5°C.

Ẩm độ cao nhất vào buổi sáng lúc 8 giờ là 90,5%, thấp nhất buổi trưa 11 giờ là 75,0%, ẩm độ trung bình là 83,6%.

Khu vực này xác định thấy tập trung nhiều loài lan như: *Agrostophyllum planicaule* (Wall. et Lindl.) Rchb.f. Ann., *Dendrobium oligophyllum* Gagnep., *Dendrobium crumenatum* Sw., *Dendrobium bilobulatum* Seidenf., *Dendrobium hendersonii* A. D. Hawkes & A. H. Heller., *Eparmatostigma dives* (Rchb.f.) Garay, *Nervilia aragoana* Gaudich...

Qua điều tra nghiên cứu đã ghi nhận ở bảng 4 được 36 loài lan thuộc 21 chi, trong đó thấy 4 loài có trong Sách Đỏ Việt Nam, chúng thuộc hai chi *Dendrobium* Sw. và *Nervilia* Gaud., đặc biệt loài *Dendrobium draconis* Reichb chỉ gặp duy nhất một lần trong quá trình điều tra.

Bảng 4. Danh sách các loài Lan, VQG Cát Tiên

TT	Tên khoa học	Tên thông thường	Số hiệu	Ghi chú
1	<i>Acriopsis liliifolia</i> (Koennig) Seidenf.	Lan tổ yến	VTN/747	
2	<i>Agrostophyllum planicaule</i> (Wall. et Lindl.) Rchb.f. Ann.	Xích hủ thân hẹp	VTN/1413, 1553	
3	<i>Bulbophyllum hymenanthum</i> Hook.f	Cầu điệp màng	VTN/1455	
4	<i>Bulbophyllum macranthum</i> Lindl.	Cầu hình hoa to	VTN/1449	
5	<i>Bulbophyllum rufinulum</i> Reichb.f.	Cầu điệp cáo	VTN/1428	
6	<i>Clesotoma fuenstenbergianum</i> Kraenzl	Lan miệng kín hai mảnh	VTN/1416	
7	<i>Coelogyne trinervis</i> Lindl.	Thanh đạm ba gân	VTN/1518	
8	<i>Cymbidium bicolor</i> Lindl.	Đoản kiếm	VTN/1417, 1520	
9	<i>Cymbidium erythrostylum</i> Rolfe	Bạc lan	VTN/1557	
10	<i>Dendrobium bilobulatum</i> Seidenf.	Hoàng thảo nguyên	VTN/1546	EN
11	<i>Dendrobium crumenatum</i> Sw.	Tuyết mai	VTN/1526	
12	<i>Dendrobium draconis</i> Reichb.f.	Nhất điểm hồng	VTN/1530	VU
13	<i>Dendrobium exile</i> Schltr.	Hoàng thảo Mảnh khảnh	VTN/1545	
14	<i>Dendrobium farmeri</i> Paxt.	Thủy tiên trắng	VTN/1509	VU
15	<i>Dendrobium gratiosissimum</i> Reichb.f.	Ý thảo	VTN/1524	
16	<i>Dendrobium hendersonii</i> A. D. Hawkes & A. H. Heller	Hoàng thảo bạch hoa	VTN/1510	
17	<i>Dendrobium nathanielis</i> Reichb.f.	Hoàng thảo Môi dày	VTN/1522	
18	<i>Dendrobium oligophyllum</i> Gagnep.	Hoàng thảo xanh	VTN/1425	
19	<i>Dendrobium secundum</i> Lindl.	Báo hỉ	VTN/1544	
20	<i>Eparmatostigma dives</i> (Rchb.f.) Garay	Lan nhụy sừng trắng	VTN/1408	
21	<i>Eria tomentosa</i> (J.Koenig) Hook.f.	Lan len nhung	VTN/1494	
22	<i>Gastrochilus obliquus</i> (Lindl.) Kuntze, Revis	Hàm lân tù	VTN/1493	
23	<i>Kingidium deliciosum</i> (Reichb. f.) Sweet.	Lan kim vinh	VTN/1540	
24	<i>Luisia filiformis</i> Hook.f.	Lan san hô hàng	VTN/1405	
25	<i>Malaxis acuminata</i> D.Don	Lan mai đất	VTN/1512	
26	<i>Malleola dentifera</i> J.J.Sm..	Nhãn ngư răng	VTN/1424	
27	<i>Micropera pallida</i> (Roxb.) Lindl.	Lan túi lưới tái	VTN/1539	
28	<i>Nervilia aragoana</i> Gaudich	Chân trâu xanh	VTN/1429	VU
29	<i>Nervilia plicata</i> (Andrews) Schltr.	Chân trâu xếp	VTN/1445	
30	<i>Nervilia prainiana</i> (King & Pantl.) Seidenf.	Chân trâu Prain	VTN/1430	
31	<i>Oberonia gammiei</i> Kinh et Pantling	Móng rùa gammi	VTN/1495	
32	<i>Oberonia rufilabris</i> Lindl.	Móng rùa môi đỏ	VTN/1496	
33	<i>Ornithochilus difformis</i> (Wall.ex Lindl.) Schltr, <i>Repert.</i>	Điều thiệt	VTN/1541	
34	<i>Pholidota articulata</i> Lindl.	Tục đoản đốt	VTN/1515	
35	<i>Thrixspermum centipeda</i> Loureiro.	Lan xương cá nhện	VTN/1403	
36	<i>Trichotosia pulvinata</i> (Lindl) Kraenzl	Mao lan gối	VTN/1409	

Các loài lan có trong bảng 4 đều tồn tại với khí hậu nhiệt đới, nhiệt độ trung bình khoảng (23 - 35°C), độ cao so với mực nước biển từ 136 - 175m. Lượng mưa lớn tập trung chủ yếu vào tháng 7 khoảng thời gian này có nắng ít, mưa nhiều, ẩm độ không khí cao, trong mùa mưa lan sinh trưởng và phát triển mạnh. Mùa khô, là những tháng ít mưa, khô hạn tập trung nhiều nhất vào tháng 2 nhiệt độ cao, độ ẩm trong không khí thấp, mùa này nhiều loài lan hạn chế mất nước bằng cách rụng lá hoặc sử dụng nước và dinh dưỡng từ các giả hành.

IV. KẾT LUẬN

1. Đã thu được mẫu và định tên khoa học được 36 loài của 21 chi thuộc họ Lan (Orchidaceae

Juss.) ở Vườn quốc gia Cát Tiên, trong đó có 4 loài có tên trong Sách Đỏ Việt Nam là loài *Dendrobium bilobulatum* Seidenf. ở cấp EN và 3 loài *Dendrobium farmeri* Paxt; *Dendrobium draconis* Reichb. và *Nervilia aragoana* Gaudich. ở cấp VU.

2. Quá trình khảo sát vào các tháng 2, 7 và 11 cùng với đo ánh sáng, ẩm độ, nhiệt độ và độ cao, có thể thấy các loài lan phân bố ở Vườn quốc gia Cát Tiên phát triển được ở nhiệt độ từ 23 - 34°C, ánh sáng dưới 1.000 lux, ẩm độ dao động từ 55 - 95% và độ cao từ 100 - 200m so với mực nước biển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Averyanov, L. V., 2003. Trích yếu được cập nhật hóa về các loài Lan Việt Nam. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Chen XQ, Liu ZJ, 2009. Orchidaceae. In: Wu ZY, Hong DY et PH Raven (eds.), Flora of China 25. Science Press, Beijing, Missouri Botanical Garden Press, St. Louis.
3. Gunnar Seidenfaden, 1992. The Orchids of Indochina. Opera Botanica 114.
4. Gagnepain F. et A. Guillaume, 1932 - 1934. Orchidacées. Flore généralé de l'Indochine (H. Lecomte), 6 (2 - 4).
5. Phạm Hoàng Hộ, 2000. Cây cỏ miền Nam Việt Nam quyển III. Nhà xuất bản Trẻ.
6. Trần Hợp, 1998. Phong lan Việt Nam. Nhà xuất bản Nông nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Nguyễn Tiến Bân, 2005. Danh lục thực vật Việt Nam tập III. Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.

Người thẩm định: PGS.TS. Nguyễn Hoàng Nghĩa